

Số: 12/BC7N-CCTTBVTV

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 13/3/2025 đến ngày 19/3/2025)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

- Nhiệt độ: trung bình từ 24 - 26⁰C; cao nhất 30 - 32⁰C; thấp nhất 19 - 21⁰C.

- Độ ẩm: trung bình 77 - 82%; cao nhất 85 - 90%; thấp nhất 70 - 75%.

- Thời tiết trên địa bàn tỉnh trong tuần qua các huyện phía Tây, Tây Bắc, Tây Nam mây thay đổi, ngày trời nắng, phổ biến không mưa; các huyện phía Đông, Đông Bắc, Đông Nam mây thay đổi đến nhiều mây, ngày trời nắng gián đoạn, có mưa rào và dông vài nơi. Ảnh hưởng của thời tiết đến sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng là bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

TT	Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
I	Cây lương thực		30.175	
1	Cây lúa vụ Đông Xuân 2024 - 2025		26.882,5	
-	Trà sớm	Vào chắc - chín	6.470	
-	Trà chính vụ	Làm đồng - trổ bông	16.027,7	
-	Trà muộn	Đứng cái - làm đồng	4.384,8	
2.	Cây ngô vụ Đông Xuân 2024 - 2025	Các giai đoạn	3.294,5	
II	Cây tình bột có củ		89.218,9	
1	Cây sắn		86.927,4	72.197,5
-	Vụ Mùa 2024	Phát triển củ - thu hoạch	77.244,3	72.197,5
-	Vụ Đông Xuân 2024 - 2025	Phát triển thân, lá	9.683,1	
2	Cây khoai lang vụ Đông Xuân 2024 - 2025	Các giai đoạn	2.291,5	
III	Cây thực phẩm		19.772	
1	Cây rau, dưa các loại	Các giai đoạn	15.539,6	

2	Đậu các loại	Các giai đoạn	4.232,4	
IV	Cây công nghiệp ngắn ngày		58.199,1	
1	Cây mía		53.704,6	36.472
-	Năm 2024	Tích lũy đường - thu hoạch	43.433	36.472
-	Vụ Đông Xuân 2024 - 2025	Đẻ nhánh - vươn lóng	10.271,6	
2	Cây thuốc lá	Chăm sóc - thu hoạch	4.414,5	
3	Cây lạc vụ Đông Xuân 2024 - 2025	Các giai đoạn	80	
V	Cây hàng năm khác	Các GDST	4.260	
VI	Cây công nghiệp dài ngày		237.768	
1	Cây cà phê	Chăm sóc - quả non	106.400	
-	Trồng mới (2024)		476	
-	Tái canh		1840	
-	Kiến thiết cơ bản		9.811	
-	Kinh doanh		94.273	
2	Cây tiêu	Chăm sóc - thu hoạch	7.501	
-	Trồng mới (2024)		146	
-	Tái canh		23	
-	Kiến thiết cơ bản		1.174,1	
-	Kinh doanh		6.157,9	
3	Cây điều	Nuôi trái - thu hoạch	39.368	
-	Trồng mới (2024)		22	
-	Tái canh		47	
-	Kiến thiết cơ bản		4.213	
-	Kinh doanh		35.086	
4	Cây cao su	Thay lá mới	83.991	
-	Trồng mới (2024)		18,3	
-	Tái canh		2.653,4	
-	Kiến thiết cơ bản		30.678	
-	Kinh doanh		50.641	
5	Cây chè (kinh doanh)	Chăm sóc	508	

VII	Cây ăn quả		33.030	
1	Cây sầu riêng	Ra hoa - quả non	6.387,3	
2	Cây chanh dây	Các giai đoạn	5.452,1	
3	Cây chuối	Các giai đoạn	7.275,5	
4	Các loại cây ăn quả khác	Các giai đoạn	13.915,1	

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
1	Cây lúa					
-	Bọ trĩ (bù lạch)	5	7		C1	Mang Yang
-	Rầy nâu	490	3.800		T3 - T4	Ia Pa
-	Sâu đục thân (bông bạc)	2,5	10		C1	An Khê, Đức Cơ
-	Sâu cuốn lá nhỏ	3	25		T2 - T3	Đak Đoa, An Khê, Đức Cơ, Krông Pa
-	Bệnh đạo ôn lá	4	15		C3 - C5	Đak Pơ, Kbang,...
-	Bệnh khô vằn	6,5	20		C3 - C5	Ia Grai, Chư Păh
-	Bệnh đen lép hạt	4	6		C1 - C3	Đak Pơ
2	Cây rau					
-	Sâu tơ (họ thập tự)	6	20		T3 - T4	Đak Pơ, Pleiku, An Khê
-	Bọ nhảy	6	25		TT	Đak Pơ, Pleiku, An Khê
-	Bệnh phấn trắng (họ bầu bí)	10	20		C3 - C5	Pleiku, An Khê
-	Bệnh thán thư (cây ớt)	5	9		C1 - C3	Đak Pơ, An Khê
3	Cây sắn					
-	Khảm lá virus	3	20		C3 - C5	Ia Pa, Krông Pa,...
4	Cây mía					
-	Xén tóc đục thân	1,5	10		C1	Phú Thiện, Kbang,...
-	Bọ hung	1	2		T2 - T3	Đak Pơ, An Khê
-	Sâu đục thân	3	8		C1	Đak Pơ
-	Bệnh trắng lá	3	30		C1- C3	Ayun Pa, Krông Pa
5	Cây cà phê					
-	Rệp sáp	9	33,4		C1- C2	Chư Prông, Ia Grai, Chư Sê,...

-	Bệnh khô cành	9	16,7		C5-C7	Mang Yang, Ia Grai, Chư Sê,...
-	Bệnh gỉ sắt	9	33,3		C3-C5	Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông,...
6	Cây tiêu					
-	Bệnh chết chậm	3	27,3		C3-C5	Mang Yang, Đức Cơ,...
-	Tuyến trùng	3	29,8		C1-C2	Mang Yang, Chư Prông,...
7	Cây điều					
-	Bọ xít muỗi	4,6	20		C1-C3	Ia Grai, Đức Cơ, Kông Chro, Krông Pa
-	Sâu đục thân, cành	7,5	30		C1-C2	Ia Grai, Đức Cơ
8	Cây ăn quả					
8.1	Cây sầu riêng					
-	Bệnh cháy lá, chết đọt	6,5	20		C3-C5	Đức Cơ, Chư Prông, Đak Đoa
-	Rầy sáp (tua trắng)	7	25		C1-C2	Đức Cơ, Chư Prông
8.2	Cây chanh dây					
-	Ruồi đục quả	5	10		C1-C3	Đak Đoa
-	Bệnh sương mai	10	20		C3-C5	Đak Đoa

2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại

[illegible]

-	Khảm lá virus	677,7	0	0		677,7	0	Ia Pa, Krông Pa, Phú Thiện, Ayun Pa
4	Cây mía							
-	Xén tóc đục thân	125	0	0		125	18	Phú Thiện, Kbang,...
-	Bọ hung	25	0	0		25	5	Đak Pơ, An Khê
-	Sâu đục thân	46	0	0		46	15	Đak Pơ
-	Bệnh trắng lá	4,3	0	0		4,3	0	Ayun Pa, Krông Pa
5	Cà phê							
-	Rệp sáp	1.621	160,5	0		1.781,5	1.015	Chư Prông, Ia Grai, Chư Sê,...
-	Bệnh khô cành	1.468,3	565,5			2.033,8	539	Mang Yang, Ia Grai, Chư Sê,...
-	Bệnh gỉ sắt	1.154	21,7			1.175,7	615	Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông,...
6	Cây tiêu							
-	Bệnh chết chậm	134	41	172		347	33	Mang Yang, Đức Cơ,...
-	Tuyến trùng	313	121	86		520	38	Mang Yang, Chư Prông,...
7	Cây điều							
-	Bọ xít muỗi	964,9	260,6	0		1.225,5	265	Ia Grai, Đức Cơ, Kông Chro, Krông Pa
-	Sâu đục thân, cành	462	286,7			748,7	198	Ia Grai, Đức Cơ
8	Cây ăn quả							
8.1	Cây sầu riêng							
-	Bệnh cháy lá, chết đọt	25	0	0		25	18	Đức Cơ, Chư Prông, Đak Đoa
-	Rệp sáp (tua trắng)	32	0	0		32	30	Đức Cơ, Chư Prông
8.2	Cây chanh dây							
-	Ruồi đục quả	8	0	0		8	5	Đak Đoa
-	Bệnh Sương mai	4	0	0		4	4	Đak Đoa

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

3.1. Trên cây lúa vụ Đông Xuân

- Trên trà lúa sớm: Rầy nâu mật độ trung bình (MĐTB) 490 - 3.800 con/m², diện tích nhiễm (DTN) 94,6 ha gây hại cục bộ trên địa bàn huyện Ia Pa. Sâu đục thân (bông bạc) tỷ lệ hại (TLH) 2,5 – 10%, DTN 59 ha (nhẹ), tăng 12,9 ha so với kỳ trước đó, phân bố trên địa bàn thị xã An Khê và huyện Đức Cơ. Bệnh đen lép hạt tỷ lệ bệnh (TLB) 4 - 6%, DTN 104 ha (nhẹ), gây hại cục bộ trên địa bàn huyện Đak Pơ. Bệnh khô vằn TLB 6,5 - 20%, DTN 12 ha (nhẹ), tăng 6,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn huyện Ia Grai, Chư Păh.

- Trên trà lúa chính vụ, trà lúa muộn: Bọ trĩ (bù lạch) gây hại TLH 5 - 7%, DTN 80,2 ha (nhẹ), tăng 26,3 ha so với kỳ trước, gây hại cục bộ trên địa bàn huyện Mang Yang. Sâu cuốn lá nhỏ gây hại MĐTB 3 - 25 con/m², DTN 89,8 ha (nhẹ), giảm 94,5 ha so với kỳ trước, gây hại trên địa bàn các huyện Đak Đoa, thị xã An Khê, Đức Cơ, Krông Pa. Bệnh đạo ôn lá TLB 4 - 15%, DTN 127,3 ha (nhẹ 120,3 ha, trung bình 07 ha), giảm 23 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Đak Pơ, thị xã An Khê, Ia Grai,...

3.2. Trên cây rau

- Sâu tơ gây hại (*họ thập tự*) MĐTB 6 - 20 con/m², DTN 149,8 ha (nhẹ 109,8 ha, trung bình 40 ha), phân bố trên địa bàn huyện Đak Pơ, thành phố Pleiku và thị xã An Khê. Bọ nhảy gây hại MĐTB 6 - 25 con/m², DTN 188,8 ha (nhẹ 108,8 ha, trung bình 80 ha), phân bố trên địa bàn huyện Đak Pơ, thành phố Pleiku và thị xã An Khê.

- Bệnh phấn trắng gây hại (*họ bầu bí*) TLB 10 - 20%, DTN 36,3 ha (nhẹ), giảm 11,3 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn thị xã An Khê, thành phố Pleiku; bệnh giả sương mai gây hại TLB 10 - 20%, DTN 25 ha (nhẹ), giảm 11,3 ha so với kỳ trước, gây hại cục bộ trên địa bàn thành phố Pleik.

- Bệnh thán thư quả gây hại (*cây ớt*) TLB 6 - 9%, DTN 55,7 ha (nhẹ), tăng 20,7 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn huyện Đak Pơ và thị xã An Khê.

3.3. Trên cây mía: xén tóc đục thân TLH 1,5 - 10%, DTN 125 ha (nhẹ), tăng 29 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Phú Thiện, Kbang, Đak Pơ và thị xã An Khê. Bọ hung gây hại MĐTB 1 - 2 con/hố, DTN 25 ha (nhẹ), tăng 15 so với kỳ trước, gây hại trên địa bàn huyện Đak Pơ và thị xã An Khê. Bệnh trắng lá xuất hiện và gây hại TLB 3 - 30%, DTN 4,3 ha (nhẹ), phân bố trên địa bàn huyện Krông Pa và thị xã Ayun Pa.

3.4. Trên cây sắn: bệnh khảm lá virus hại sắn tỷ lệ bệnh (TLB) 3 - 20%, diện tích nhiễm (DTN) 677,7 ha (nhẹ), tăng 38 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Ia Pa 316 ha, Krông Pa 308,7 ha, Phú Thiện 38 ha và thị xã Ayun Pa 15 ha.

3.5. Trên cây công nghiệp dài ngày

- Cây cà phê: Trong thời qua thời tiết nắng nóng kéo dài, biên độ nhiệt giữa ngày và đêm có sự chênh lệch lớn, cây cà phê đang trong giai đoạn ra hoa, quả non tạo điều kiện thuận lợi cho rệp sáp phát sinh, TLH 9 - 33,4%, cá biệt có nơi tỷ lệ hại đến 50%, DTN 1.781,5 ha (nhẹ 1.621 ha, trung bình 160,5 ha), tăng 58,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Chư Prông 890 ha, Chư Sê 246 ha, Đức Cơ 200 ha, Ia Grai 191,5, Mang Yang 75 ha, thành phố Pleiku 56 ha, Đak Đoa 55 ha, Chư Puh 50 ha, Chư Păh 18 ha. Bệnh gỉ sắt gây hại TLB 9 - 33,3%, DTN 1.175,7 ha (nhẹ 1.154 ha, trung bình 21,7 ha), giảm 886,2 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông,.... Bệnh khô cành gây hại TLB 9 - 16,7%, cá biệt có nơi tỷ lệ hại đến 50%, DTN 2.033,8 ha (nhẹ 1.468,3 ha, trung bình 565,5 ha), tăng 13,3 ha so với kỳ trước, gây hại trên địa bàn các huyện Mang Yang, Ia Grai, Chư Sê,...

- Cây tiêu: Bệnh vàng lá chết chậm gây hại TLB 3 - 27,3%, DTN 347 ha (nhẹ 134 ha, trung bình 41 ha, nặng 172 ha), giảm 11 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Mang Yang, Đức Cơ, Chư Prông,.... Tuyến trùng rễ gây hại TLH 3 - 29,8%, DTN 520 ha (nhẹ 313 ha, trung bình 121 ha, nặng 86 ha), tương đương so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Mang Yang, Chư Prông, Đak Đoa,...

- Cây điều: Bọ xít muỗi gây hại trên diện tích điều đậu trái muộn thuộc các huyện phía Đông nam, phía Nam của tỉnh như (huyện Kông Chro, Krông Pa, Ia Pa), TLH 4,6 - 20%, DTN 1.225,5 ha (nhẹ 964,9 ha, trung bình 260,6 ha), giảm 18,7 ha so với kỳ trước, gây hại

trên địa bàn các huyện Ia Grai, Đức Cơ, Kông Chro, Krông Pa. Sâu đục thân, cành gây hại TLH 7,5 - 30%, DTN 747,5 ha (nhẹ 462 ha, trung bình 286,7 ha), tăng 1,2 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn huyện Ia Grai, Đức Cơ.

3.6. Trên cây ăn quả

- Cây chanh dây: Ruồi đục quả gây hại TLH 5 - 10%, DTN 08 ha (nhẹ), giảm 02 ha so với kỳ trước, gây hại cục bộ trên địa bàn huyện Đak Đoa; bệnh sương mai gây hại TLB 10 - 20%, DTN 04 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại cục bộ trên địa bàn huyện Đak Đoa.

- Cây sầu riêng: Rầy bông (rầy phấn tua trắng) gây hại TLH 7 - 25%, DTN 32 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn huyện: Đức Cơ, Chư Prông. Bệnh cháy lá, chết đột gây hại TLB 6,5 - 20%, DTN 25 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn huyện Chư Prông, Đức Cơ, Đak Đoa; một số sâu bệnh hại khác gây hại rải rác.

- Cây chuối: Các đối tượng gây hại như bệnh chùn đột, đốm đen trái gây hại rải rác.

3.7. Trên cây trồng khác: Sâu bệnh gây hại rải rác; diện tích nhỏ và mật độ gây hại thấp.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Trên cây lúa:

+ Trạ lúa sớm và chín vụ: Sâu đục thân (héo rãnh), rầy nâu, bệnh khô vằn, đen lép hạt tiếp tục gây hại; bệnh đạo ôn cổ bông xuất hiện và gây hại.

+ Trạ lúa trà muộn: Các đối tượng như sâu cuốn lá nhỏ, sâu cuốn lá lớn, bệnh đạo ôn lá tiếp tục gây hại; bệnh khô vằn, rầy nâu xuất hiện và gây hại.

- Trên cây rau: Bọ nhảy, sâu tơ (họ thập tự), bệnh phấn trắng, bệnh giả sương mai (họ bầu bí), bệnh thán thư, bệnh đốm đen lá (trên họ cà) tiếp tục gây hại.

- Trên cây mía: Bọ hung, xén tóc, sâu đục thân tiếp tục gây hại.

- Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại trên diện tích bị nhiễm trước đó.

- Trên cây cà phê: Rệp sáp hại chùm quả tiếp tục gia tăng trong thời gian tới; rệp vảy xanh, vảy nâu, bệnh gỉ sắt tiếp tục gây hại.

- Trên cây hồ tiêu: Bệnh vàng lá chết chậm, tuyến trùng hại rễ, rệp sáp gốc tiếp tục gây hại trên những diện tích nhiễm từ trước.

- Trên cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán thư tiếp tục gây hại trên diện tích điều muộn; sâu đục cành, sâu róm đỏ gây hại cục bộ.

- Trên cây ăn quả:

+ Cây chanh dây: Ruồi đục trái, bệnh sương mai tiếp tục gây hại trên diện tích bị nhiễm từ trước. Nhóm bệnh virus (*xoăn lá, khảm lá, cứng trái*) tiếp tục gây hại. Nhện đỏ xuất hiện và gây hại.

+ Cây sầu riêng: Rệp sáp, rầy bông có chiều hướng gia tăng; sâu đục trái gây hại cục bộ; bệnh nứt thân xì mủ gây hại rải rác.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Để giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất do sâu, bệnh hại gây ra, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đề nghị Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp tiếp tục tuyên truyền, phổ biến tới UBND các xã/phường/thị trấn, người dân trên địa bàn tổ chức triển khai, thực hiện Văn bản số 412/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 11/02/2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tăng cường các biện pháp phòng chống sinh vật giữa và cuối vụ Đông Xuân 2024 - 2025; Văn bản số 154/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 28/02/2025 về việc dự báo tình hình rệp sáp hại cà phê và hướng dẫn

biện pháp phòng trừ trong thời gian tới. Văn bản số 156/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 04/3/2025 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc chủ động phòng chống sinh vật gây hại cây trồng. Cụ thể:

2.1. Trên cây lúa

- Thường xuyên theo dõi diễn biến của một số đối tượng sâu, bệnh hại theo các giai đoạn phát triển của cây: trên trà lúa sớm và chính vụ, chú ý sâu đục thân (héo rảnh), rầy nâu, bệnh khô vằn, bệnh đen lép hạt, bệnh đạo ôn; trên trà lúa muộn theo dõi và có biện pháp xử lý kịp thời đối với rầy nâu, bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn lá. Trường hợp sâu bệnh hại phát triển và gây mạnh vượt ngưỡng phòng, hướng dẫn người dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật để diệt trừ.

- Đối với rầy nâu: Chủ động phòng trừ kịp thời ngay sau khi rầy cám nở rộ, chỉ sử dụng thuốc trừ sâu khi mật độ rầy nâu 1.000 con/m² trở lên (đối với cây lúa giai đoạn trước trổ bông) 500 con/m² trở lên (đối với cây lúa giai đoạn sau trổ bông), sử dụng thuốc có chứa các hoạt chất *Buprofezin*, *Imidacloprid*, *Dimethoate* + *Isoprocarb*...; trước khi phun thuốc, điều tiết mực nước trong ruộng khoảng 10 - 15cm kết hợp rạch hàng theo băng rộng 1,5 - 2 m để tăng hiệu quả phòng trừ.

- Đối với bệnh đạo ôn: Phát hiện sớm và xử lý kịp thời, chỉ phun thuốc khi tỷ lệ lá bị bệnh trên 10%, xử lý bằng cách phun thuốc có chứa hoạt chất *Albendazole*, *Azoxystrobin*, *Ferimzone*...; chú ý phun kỹ mặt dưới của lá để nâng cao hiệu quả phòng trừ.

2.2. Trên cây rau các loại: Tiếp tục hướng dẫn người dân ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM và sản xuất rau theo quy trình rau an toàn, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, quy trình sản xuất rau hữu cơ; ưu tiên sử dụng thuốc trừ sâu có nguồn gốc thảo mộc, sinh học; trường hợp bỏ nhậy, sâu tơ gây hại vượt ngưỡng quy định, người dân có thể sử dụng hoạt chất *Abamectin* (tên thương phẩm: *Agromectin 1,8 EC, 5.0WG*, *Abagro 4.0EC*, *Abamine 3.6EC, 5WG*, *Abasuper 1.8EC*) để trừ; nồng độ, liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2.3. Trên cây mía

- Đối với diện tích đã thu hoạch, vệ sinh đồng ruộng, xử lý tàn dư thực vật như: lá, thân, gốc bị sâu bệnh đem tiêu hủy nhằm hạn chế khả năng lưu tồn sinh vật gây hại. Những diện tích chưa thu hoạch thì tiếp tục theo dõi các đối tượng sâu bệnh hại để có biện pháp xử lý kịp thời; đồng thời có biện pháp phòng chống cháy trong thời gian nắng nóng kéo dài.

- Đối với mía trồng mới vụ Đông Xuân 2024 - 2025 và mía lưu gốc đang trong giai đoạn đẻ nhánh: Áp dụng Chương trình Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) ngay từ đầu vụ. Tiến hành bón thúc đợt 1 khi mía nảy mầm và có từ 4 - 5 lá: Lượng phân bón 120 - 150 kg Urê, 90 - 120 kg Kali clorua.

2.4. Trên cây sắn

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người sản xuất thực hiện Quy trình canh tác sắn bền vững, quy trình nhân giống sạch bệnh và tài liệu hướng dẫn giống sắn sạch bệnh, canh tác sắn bền vững tại Quyết định số 91/QĐ-TT-CLT ngày 24/02/2025 của Cục Trồng trọt; hướng dẫn phát triển bền vững cây sắn và tăng cường liên kết tiêu thụ giữa nhà máy với người dân trồng sắn theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 3762/ SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 04/10/2024.

- Đối với những diện tích sắn trồng vụ Đông Xuân 2024 - 2025:

+ Hướng dẫn người dân chăm sóc, làm cỏ, bón phân thúc lần 01 (khi cây sắn có thời gian 30 - 40 ngày sau trồng), lượng phân cho 01 ha (60kg N + 60kg K₂O), bón cách gốc 15 - 20 cm; bón thúc lần 02 (cây sắn có thời gian 80 - 90 ngày sau trồng), lượng phân cho 01 ha

(60kg N + 70 kg K₂O).

+ Đối với bệnh khảm lá virus: áp dụng “Quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh khảm lá sắn” tại Văn bản số 1772/BVTV-TV ngày 8/8/2024 của Cục Bảo vệ thực vật, nội dung Quy trình được tăng tải trên Trang thông tin điện tử của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai, địa chỉ: <https://ccttbvtv.gialai.gov.vn/quy-trinh-ky-thuat-quan-ly-tong-hop-benh-kham-la-san/>

- Ngoài ra cần thăm đồng ruộng thường xuyên để có biện pháp xử lý kịp thời đối các đối tượng sâu, bệnh hại như: nhện đỏ, rệp sáp bột hồng, bệnh thán thư, bệnh chổi rồng.

2.5. Trên cây cà phê

- Cắt bỏ cành khô, cành già yếu, cành sâu bệnh, cành vượt, cành không cho quả, cành mọc chùm; tỉa bỏ chổi vượt, cành tăm, cành mọc ngược nhằm tạo độ thông thoáng, giảm thiểu tiêu hao dinh dưỡng, sâu bệnh hại cho vườn cây.

- Kiểm tra, theo dõi diễn biến gây hại của rệp sáp để có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp. Đối với vườn cây có dưới 25% cây bị rệp sáp gây hại, tiến hành phun thuốc trừ rệp cục bộ để tránh lãng phí thuốc, công lao động và hạn chế ô nhiễm môi trường; đối với những vườn có số cây rệp sáp gây hại lớn hơn 25% thì tiến hành phun trên diện rộng. Các loại thuốc có hoạt chất để phòng trừ rệp sáp:

+ Nhóm thuốc sinh học: *Abamectin*, *Azadirachtin*, *Nấm tím (Paecilomyces)*, *Nấm trắng (Beauveria)*, *Nấm xanh (Metarhizium)*.

+ Nhóm thuốc hóa học: *Alpha - Cypermethrin*, *Dimethoate*, *Acetamiprid*, *Benfuracarb*, *Buprofezin*,... trước khi phun thuốc hướng dẫn bà con sử dụng máy phun áp suất cao hoặc sử dụng vòi tưới nước xịt bỏ tàn hoa, mục đích để thuốc bảo vệ thực vật tiếp xúc dễ dàng hơn với rệp, nâng cao hiệu quả phòng trừ. Pha thuốc đúng liều lượng, nồng độ hướng dẫn trên của nhà sản xuất ghi trên bao bì.

2.6. Trên cây hồ tiêu

- Do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết nắng hạn trong nhiều tháng qua, khuyến cáo người dân chăm sóc, tưới nước tiết kiệm, đồng thời để tán cây che bóng, tủ gốc (*rom rạ, cỏ khô*,...) để giữ ẩm cho vườn cây; bón phân chuyên dùng cho cây hồ tiêu trong mùa khô, giúp cây sinh trưởng, phát triển tốt và khả năng chống chịu điều kiện bất lợi ngoại cảnh gây ra.

- Vệ sinh đồng ruộng: Tiêu hủy gốc, thân, cành, lá sâu bệnh kịp thời, không để nguồn bệnh lưu tồn trong vườn hồ tiêu. Sử dụng các chế phẩm sinh học như: nấm *Metarhizium*, *Trichoderma*, hoạt chất *Chitosan*,... để phòng trừ các đối tượng sâu, bệnh như rệp sáp hại rễ, vàng lá thối rễ tơ, héo chết nhanh và tuyến trùng hại rễ.

2.7. Trên cây điều

- Tiếp tục theo dõi, quản lý sinh vật gây hại trên cây điều; khi phát hiện bọ xít muỗi gây hại mật độ cao, tiến hành phun thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất như: *Alpha-cypermethrin*, *Cypermethrin*, *Permethrin*, *Citrus oil*,... liều lượng và nồng độ pha theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Đối với bệnh thán thư, sử dụng các loại thuốc có hoạt chất như: *Copper Hydroxide*, *Cuprous Oxide*, *Propineb*, *Metalaxyl*,... Liều lượng và nồng độ theo hướng dẫn ghi trên bao bì. Khi phun thuốc hướng dẫn phun từ dưới lên, phun theo trình tự từng tầng tán cây.

2.8. Trên các loại cây ăn quả

Hướng dẫn người dân áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), sử dụng phân bón hữu cơ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học,... giúp bảo vệ môi trường và nâng cao

chất lượng sản phẩm. Tăng cường sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm như: tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa kết hợp bón phân, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật qua đường ống để nâng cao hiệu quả và giảm chi phí sản xuất.

- Đối với cây chanh dây: Tập trung hướng dẫn người dân phòng trừ các đối tượng sâu, bệnh hại sau:

+ Các loại nhện gây hại: Sử dụng luân phiên các thuốc có chứa hoạt chất *Fenpyroximate* (min 96%), *Abamectin* + *Petroleum oil* 39,7%, *Petroleum spray oil* (min 97%) phun ướt đều bề mặt lá và các bộ phận khác trên cây. Sau 05 - 07 ngày nếu thấy vẫn còn nhện cần phun nhắc lại lần 2.

+ Ruồi đục quả: Dùng đèn bẫy ruồi vàng hoặc bẫy dẫn dụ có hoạt chất *Methyl Eugenol* treo bên ngoài vườn, để diệt trừ duỗi trưởng thành.

+ Nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới (*rệp muội, bọ phấn, bọ trĩ*): Sử dụng treo bẫy dính vàng để dự tính, dự báo sớm sự xuất hiện của các môi giới truyền virus; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất *Spirotetramat*, *Abamectin*, *Emamectin benzoate*,... để phòng trừ.

+ Nhóm bệnh hại do nấm (*bệnh đốm nâu, đốm vòng, thối thân, thối quả, bệnh thối gốc - phình thân, bệnh thán thư*): Phòng trừ khi bệnh mới chớm xuất hiện bằng các loại hoạt chất như: *Tebuconazole*, *Mancozeb*, *Propineb*, *Metalaxyl*, *Chlorothalonil*, *Fosetyl Aluminium*, *zoxystrobin*, *Copper oxychloride*, *Hexaconazol*, khuyến cáo người dân luân phiên thuốc để tránh hiện tượng kháng thuốc.

- Đối với cây sầu riêng: Đang trong giai đoạn ra hoa - quả non, chú ý phòng trừ các đối tượng sâu, bệnh hại sau:

+ Đối với các nhóm chích hút như: Nhện đỏ, rệp sáp, rầy phấn, bọ trĩ,... gây hại lá non, đọt non, hoa và quả non, khi phát hiện sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất *Abamectin*, *Spirotetramat*, *Buprofezin*,... để phòng trừ.

+ Đối với sâu đục quả non: Sử dụng các loại thuốc có hoạt chất *Bacillus thuringiensis*, *Spinosad*, *Chlorantraniliprole*,... để phòng trừ.

Liều lượng, nồng độ khuyến cáo người dân sử dụng như ghi trên bao bì. Đối với sâu non đục quả, nên phun thuốc khi sâu chưa đục vào trong quả để đạt hiệu quả cao.

- Đối với cây chuối: Tưới nước giữ ẩm nhằm duy trì độ ẩm phù hợp vào mùa khô, không để cây thiếu nước, đặc biệt là thời kỳ cây chuối ra hoa và hình thành trái. Khi phát hiện vườn có bọ giáp gây hại, sử dụng các chế phẩm sinh học như: *Bacillus thuringiensis*, *Beauveria bassiana*, *Metarhium anisopliae* để phòng trừ.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình sinh vật gây hại cây trồng và biện pháp hướng dẫn chỉ đạo phòng trừ. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị địa phương báo cáo về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố;
- Trang Thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV & KDTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Ngô Duy Đông

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ
(Từ ngày 13/3/2025 đến ngày 19/3/2025)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Cây lúa									
1	Rầy nâu	77,5	13	4,1		94,6	80,1		0	Ia Pa
2	Bọ trĩ (bù lạch)	80,2	0	0		80,2	26,3		50	Mang Yang
3	Sâu đục thân (b. bạc)	59	0	0		59	12,9		0	An Khê, Đức Cơ
4	Sâu cuốn lá nhỏ	89,8	0	0		89,8	-94,5		54	Đak Đoa, An Khê,...
5	Đạo ôn lá	120,3	7	0		127,3	-23		101	Đak Pơ, An Khê, Ia Grai,...
6	Bệnh khô vằn	11	1	0		12	6,5		2,5	Ia Grai, Chư Păh
7	Đen lép hạt	52	52	0		104	-5		90	Đak Pơ
II	Cây cà phê									
1	Rệp sáp	1.621	160,5	0		1.781,5	58,5		1.015	Chư Prông, Ia Grai, Chư Sê,...
2	Bệnh khô cành	1.468,3	565,5	0		2.033,8	13,3		539	Mang Yang, Ia Grai, Chư Sê,...
3	Bệnh gỉ sắt	1.154	21,7	0		1.175,7	-886,2		615	Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông,...
III	Cây tiêu									
1	Bệnh chết chậm	134	41	172		347	-11		33	Mang Yang, Đức Cơ, Chư Prông,...
2	Tuyến trùng	313	121	86		520	0		38	Mang Yang, Chư Prông, Đak Đoa,...
IV	Cây sắn									
	Khảm lá virus	677,7	0	0		677,7	-4		0	Ia Pa, Krông Pa, Ayun Pa